TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 7 năm 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Vân và ông Hà Văn Cương.

- Thư ký phiên toà: Bà Lý Thị Thùy Linh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung (của Tòa án nhân dân huyện SM trước khi sáp nhập) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐST - HNGĐ ngày 04/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lường Thị D, sinh năm 1995, địa chỉ: Bản N H, xã N T, tỉnh Sơn La. Trước đây là bản Nà Hay, xã N T, huyện SM, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lò Văn H, sinh năm 1992, địa chỉ: Bản M, xã CS , tỉnh Sơn La. Trước đây là Bản M, xã CS , huyện SM, tỉnh Sơn La. Đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nguyên đơn chị Lường Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lò Văn H qua thời gian tìm hiểu, quen biết nhau, yêu thương nhau đã tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại ngày 20/3/2014 tại UBND xã CS , huyện SM, tỉnh Sơn La. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị ép buộc.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm sống.

Anh chị đã nhiều lần được gia đình 2 bên khuyên răn, nhắc nhở nhưng trong cuộc sống vợ chồng vẫn thường xuyên sảy ra cãi vã và không thể hòa hợp với nhau. Chúng tôi đã sống ly thân một thời gian, không còn yêu thương quan tâm đến nhau nữa.

Do vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi viết đơn này kính mong Tòa án giải quyết cho vợ chồng chúng tôi được ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Lò Văn H1, sinh ngày 20/01/2013 và cháu Lò Thị Phương H2, sinh ngày 24/01/2016. Trong thời gian chúng tôi sống ly thân, ông bà nội là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục các cháu. Nếu ly hôn, tôi nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các cháu không yêu cầu anh Lò Văn H phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai bị đơn anh Lò Văn H trình bày (có xác nhận của Trại giam Nam Hà):

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lường Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại tại ngày 20/3/2014 tại UBND xã CS , huyện SM, tỉnh Sơn La. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh về sống hạnh phúc đến khi anh bị bắt về tội phạm ma túy. Đến nay chị Lường Thị D có đơn xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Lò Văn H1, sinh ngày 20/01/2013 và cháu Lò Thị Phương H2, sinh ngày 24/01/2016. Nếu ly hôn anh không nhất trí cho chị Lường Thị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Kết quả xác minh tại địa phương nơi các đương sự sinh sống cho thấy:

Về hôn nhân: Anh chị kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào tại UBND xã CS , huyện SM, tỉnh Sơn La. Cuộc sống hôn nhân của chị Lường Thị D và anh Lò Văn H có mâu thuẫn do anh chị không hợp tính nhau và anh Lò Văn H nghiện ma túy; anh đang chấp hành án tại trại giam Nam Hà.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lò Văn H1, sinh ngày 20/01/2013 và cháu Lò Thị Phương H2, sinh ngày 24/01/2016. Trong thời gian anh chị sống ly thân các cháu ở với ông bà nội.

Kết quả ghi ý kiến con chung: Nếu ly hôn, các cháu Lò Văn H1 và cháu Lò Thị Phương H2 cùng có nguyện vọng ở với mẹ

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện SM phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án huyện SM tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh Lò Văn H đang chấp hành án tại Trại

giam Nam Hà, chị Lường Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Xử cho chị Lường Thị D được ly hôn anh Lò Văn H . Giao các cháu Lò Văn H1, sinh ngày 20/01/2013 và cháu Lò Thị Phương H2, sinh ngày 24/01/2016 cho chị Lường Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lò Văn H chưa phải cấp dưỡng con chung do chị Lường Thị D chưa yêu cầu. Về tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết; về nợ chung không có. Miễn án phí cho chị Lường Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lường Thị D yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lò Văn H có hộ khẩu thường trú tại Bản Mâm, xã CS , tỉnh Sơn La. Trước đây là Bản Mâm, xã CS , huyện SM, tỉnh Sơn La (nay là xã CS , tỉnh Sơn La). Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Sơn La) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Về thủ tục hoà giải: Nguyên đơn có đơn đề nghị không hoà giải; bị đơn đang chấp hành án tại trại giam, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đang chấp hành án tai trại giam Hà Nam. Căn cứ Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa hôm nay và qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định chị Lường Thị D và anh Lò Văn H có đăng ký kết hôn vào ngày 20/3/2014 tại UBND xã CS , huyện SM, tỉnh Sơn La. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc nên hôn nhân giữa chị Lường Thị D và anh Lò Văn H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình 2000.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chứng tỏ lời khai của các đương sự là đúng sự thật. Việc vợ chồng anh chị không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không quan tâm gì đến nhau; vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau; mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình và địa phương hòa giải nhưng không thành; anh Lò Văn H đang chấp hành án là đúng sự thật. Mặt khác, chị Lường Thị D cương quyết yêu cầu ly hôn, càng chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị Lường Thị D và anh Lò Văn H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu, cho chị Lường Thị D được ly hôn anh Lò Văn H.

Ý kiến anh Lò Văn H: Anh không nhất trí ly hôn nhưng không nêu lý do và không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lò Văn H1, sinh ngày 20/01/2013 và cháu Lò Thị Phương H2, sinh ngày 24/01/2016. Xét thấy các cháu cùng có nguyện vọng ở với mẹ. Chị Lường Thị D có nguyện vọng nhận trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục các cháu. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên và phù hợp với thực tế cần giao các cháu cho chị Lường Thị D trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục theo quy định tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ý kiến anh Lò Văn H: Anh không nhất trí giao các cháu cho chị Lường Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các cháu nhưng hiện tại anh đang chấp hành án tại trại giam Nam Hà nên không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các cháu, do đó không chấp nhận.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị Lường Thị D chưa yêu cầu anh Lò Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy ý kiến của chị hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh chị đều cam đoan không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Lường Thị D là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn yêu cầu miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên cần chấp nhận theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình 2000.

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; 110; 116; 117; 118; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1.Về hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị D được ly hôn anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lò Văn H1, sinh ngày 20/01/2013 và cháu Lò Thị Phương H2, sinh ngày 24/01/2016

Giao các cháu Lò Văn H1, sinh ngày 20/01/2013 và cháu Lò Thị Phương H2, sinh ngày 24/01/2016 cho chị Lường Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn H chưa phải đóng tiến cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lường Thị D chưa yêu cầu.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị D.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị D, anh Lò Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 3- Sơn La;
- Cơ quan THADS tỉnh Sơn La;
- UBND xã CS , tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mai